

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2020/HS-ST  
Ngày: 11 - 9 - 2020

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Trúc Phương.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Vĩnh Ảnh.

Ông Phan Văn Tạo.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đặng Chí Thức – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Trịnh Thị Ánh Hồng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10, 11 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 66/2020/TLST-HS ngày 30 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2020/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 8 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Huỳnh Văn D, sinh ngày 09/02/1990 tại Bạc Liêu; nơi cư trú: ấp QK, xã HT, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: kinh doanh; trình độ học vấn: lớp 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn Th và bà Hà Thị Ng; anh chị em ruột: có 06 người, lớn nhất sinh năm 1973, nhỏ nhất là bị cáo; vợ: bà Nguyễn Thị Đ, con: 01 người sinh năm 2019; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị tạm giam từ ngày 15/5/2020 cho đến nay (có mặt).

2. Bùi Phước H (tên gọi khác: H Đen); sinh năm 1979 tại Sóc Trăng; nơi cư trú: Ấp SD, xã TH, huyện LP, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: không biết chữ; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; cha: Bùi Văn Th và mẹ bà Nguyễn Thị Th; anh chị em ruột: có 04 người, lớn nhất sinh năm 1977, nhỏ nhất sinh năm 1983; vợ, con: chưa có; tiền án: không; tiền sự: không (về nhân thân từng có 02 tiền án nhưng đã được xóa án tích); bị cáo bị tạm giam từ ngày 15/5/2020 cho đến nay (có mặt).

3. Nguyễn Hoàng D1 (tên gọi khác: D ba đuôi); sinh năm 1967 tại Sóc Trăng; nơi cư trú: đường NH, khóm B, phường M, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: lớp 3/12; dân tộc: Hoa; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hoàng Kh (đã chết) và bà Trịnh

Thị B (đã chết); anh chị em ruột: có 03 người, lớn nhất sinh năm 1960, nhỏ nhất sinh năm 1970; vợ, con: chưa có; tiền án: không; tiền sự: không (về nhân thân từng có 02 tiền án nhưng đã được xóa án tích); bị cáo bị tạm giam từ ngày 17/6/2020 cho đến nay (có mặt).

*- Người bào chữa cho bị cáo Huỳnh Văn D:*

Luật sư Trần Phú Nh, thuộc Công ty Luật A tại Cần Thơ, Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ liên hệ: đường THN, phường HL, quận NK, Thành phố Cần Thơ (có mặt).

Luật sư Kim Chan Đa R, thuộc Công ty luật B, Đoàn luật sư tỉnh Cà Mau. Địa chỉ liên hệ: đường LTT, xã LVL, thành phố CM, tỉnh Cà Mau (có mặt).

*- Bị hại:*

Bà Lâm Thị Hoa N, sinh năm 1983. Địa chỉ: ấp CT, xã AN, huyện CT, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

*- Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:*

Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1996. Địa chỉ: ấp QK, xã HT, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

Bà Nguyễn Thị Thu V, sinh năm 1970. Địa chỉ: Khóm M, phường B, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

Ngân hàng A. Địa chỉ trụ sở: đường TQK, quận HK, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: ông Mã Kim Kh – Phó trưởng phòng Khách hàng Ngân hàng A - Chi nhánh Bạc Liêu. Địa chỉ: đường BT, phường B, thành phố BL, tỉnh Bạc Liêu, theo văn bản ủy quyền ngày 10/9/2020 (có mặt).

*- Người làm chứng:* Bà Lâm Thị Ngọc L, sinh năm 1964. Địa chỉ: đường MĐC, khóm S, phường C, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Huỳnh Văn D (D), Nguyễn Thị Thu V (V) và Lâm Thị Hoa N (H N) có mối quan hệ quen biết với nhau, H N đã mượn tiền của D số tiền 1.000.000.000 (một tỷ) đồng, V 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng nhằm mục đích đáo hạn Ngân hàng, nhưng sau đó không có khả năng chi trả.

Vào ngày 23/11/2019, V có gặp D tại quán cà phê trong khuôn viên HNN, phường S, thành phố ST, tại đây V nói với D là V có quen biết với Bùi Phước H và nói với D là nhờ H giúp tìm H N để giải quyết tiền nợ, thì D đồng ý, V điện thoại cho H kêu vào quán cà phê để gặp D, trước khi đi H rủ D1 cùng đi. Khi H và D1 đến gặp thì V giới thiệu cho H và D1 biết D và nói chuyện với nhau, sau khi giới thiệu cho D biết H và D1 xong thì V có công việc cho nên đi về trước. Tại đây gồm có D, H và D1, D đã kể cho H và D1 nghe việc H N thiếu D và V số tiền 1.500.000.000 đồng đã lâu nhưng không trả. Lúc này, D thỏa thuận với H và D1 “*khi nào gặp H N thì bắt H N lại rồi điện thoại cho D đến, còn khi nào D gặp H N*

thì sẽ điện thoại cho H và D1 đến hỗ trợ D bắt H N để giải quyết tiền nợ mà H N còn thiếu D”, tiền công thực hiện là 30% trên số tiền thu hồi được thì H và D1 đồng ý, khi thỏa thuận xong thì tất cả ra về. Sau khi về nhà H có quen biết với Hên Ngọc Th (Th) là người đi gom tiền lãi cho H N, H đã được Th cho biết có hẹn gặp H N để đưa tiền lãi mà Th thu hộ, sau đó, H điện thoại cho D và hẹn gặp nhau tại thành phố ST vào ngày 27/11/2019 để gặp H N giải quyết tiền nợ thì D đồng ý.

Đến ngày 27/11/2019 H điện thoại hẹn gặp D tại một quán ăn trên đường lộ tuyến đường tránh trung tâm thành phố Sóc Trăng. Lúc này, trong quán gồm có: D, D1, H, T, H1 và Th, Th nói có hẹn H N tại nhà hàng A, phường B, thành phố ST để giao tiền cho H N, cho nên D điều khiển xe ô tô biển số 94A-038.73 chở H, còn D1 và T đi chung một xe mô tô, H1 thì một mình điều khiển xe mô tô, cả nhóm đi theo Th đến nhà hàng A nhưng không gặp H N, sau đó, Th dẫn đường đi đến trước quán C, tại đường MĐC, khóm B, phường C, thành phố ST thì nhìn thấy H N đi từ trong quán C ra đường MĐC, phường C, thành phố ST để lấy tiền mà Th đưa. D điều khiển xe ô tô chạy đi qua khỏi quán đậu xe để quan sát. Còn D1, T và H1 đến gần quán đậu xe lên lề đường, lúc này H đi bộ qua trước quán nhìn thấy H N đang đi bộ từ lề đường vào trong quán, liền lúc này H dùng tay câu cổ kéo ngược H N hướng ra lộ, nhưng bị H N chống trả, vùng vẫy và tri hô, cho nên H1 và D1 đi đến hỗ trợ H kéo H N đi, D đậu xe gần đó nhìn thấy đã bắt được H N nên đã điều khiển xe ô tô chạy đến đậu trước quán mở cửa xe ra cho H, D, H1 và T hỗ trợ nhau để kéo, đẩy H N lên xe ô tô của D. Sau khi bắt được H N lên xe thì H1 không chế giữ chặt phần đầu của H N, còn H không chế giữ chặt phần chân của H N nằm ở băng ghế sau xe, D điều khiển xe chạy vào quán cà phê khu văn hóa HNN; D1 và T đi xe mô tô riêng. Trên đường đi trong xe thì H1 dùng tay móc túi quần của H N lấy số tiền khoảng 30.000.000 đồng và 01 cái điện thoại di động nhãn hiệu Oppo của H N, sau khi lấy tiền xong H1 đã đưa tiền cho H cất giữ, còn H1 thì giữ cái điện thoại di động. Khi D điều khiển xe vào bên trong khuôn viên HNN dừng xe lại cho D lên xe rồi chở H N vào quán cà phê. Tại đây D điện thoại cho V đến, V và D yêu cầu H N viết giấy nợ mới ghi số tiền mà H N đang thiếu D là 1.500.000.000 đồng và cách thức trả mỗi tháng là 100.000.000 đồng (V giao cho D đòi nợ), sau đó, V bỏ đi về trước. Sau khi buộc H N viết giấy nợ xong, H N được nhận lại điện thoại nhưng số tiền chiếm đoạt của H N thì không đưa lại, sau đó H N được đi về và H N liền đến Công an phường C, thành phố ST trình báo sự việc. Sau khi tiếp nhận tin báo, Cơ quan điều tra đã tiến hành mời Huỳnh Văn D, Bùi Phước H và Nguyễn Hoàng D1 đến Cơ quan điều tra làm việc, tại đây các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Đối với Nguyễn Thị Thu V có nhờ H tìm H N để giải quyết tiền nợ, nhưng giữa V và H không có thỏa thuận hay hứa hẹn lợi ích gì để H và D tìm bắt H N nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý hình sự đối với bà V.

Đối với Hên Ngọc Th chỉ là quen biết với Bùi Phước H nên nói cho H biết chỗ hẹn gặp H N, Th không biết được mục đích của H cùng đồng phạm là tìm gặp để bắt H N, Th không được hưởng lợi ích từ việc H bắt H N nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý hình sự đối với Th.

Đối với T, H1 là những người tham gia cùng hỗ trợ bắt bị hại H N nhưng hiện nay không rõ nhân thân nên cơ quan điều tra Công an thành phố Sóc Trăng đã

tách hành vi của T, H1 để tiếp tục điều tra làm rõ.

Đối với hành vi chiếm đoạt số tiền 30.000.000 đồng của bị hại Lâm Thị Hoa N cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Sóc Trăng đã khởi tố vụ án cướp tài sản và ra quyết định tách vụ án để giải quyết sau.

Về vật chứng, quá trình điều tra đã thu giữ: 01 xe ô tô nhãn hiệu MAZDA, loại CX-520G màu trắng, biển số 94A-038.73 đã qua sử dụng và chìa khóa xe; một điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J2, Prime, màu vàng kiểu máy SM-G532G/DS đã qua sử dụng và sim số 0917118896; một áo khoác nam màu nâu xám bên trong viền cổ áo có chữ XinJieDa, đã qua sử dụng.

Tại bản cáo trạng số 66/CT-VKS.TPST ngày 29/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng truy tố bị cáo Huỳnh Văn D, Bùi Phước H, Nguyễn Hoàng D1 về tội “Bắt người trái pháp luật” theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự.

\* Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng giữ nguyên quyết định truy tố về hành vi của các bị cáo Huỳnh Văn D, Bùi Phước H, Nguyễn Hoàng D1 và đề nghị Tòa án tuyên bố bị cáo Huỳnh Văn D, Bùi Phước H, Nguyễn Hoàng D1 phạm tội “Bắt người trái pháp luật” theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự; áp dụng các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ cho các bị cáo như: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng; các bị cáo là đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn không mang tính tổ chức; bị cáo D trước khi phạm tội có nhân thân tốt không tiền án, tiền sự; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, bị cáo có người thân có công với nước, bị hại tại tòa xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo H và D1 có nhân thân xấu, từng có nhiều tiền án nhưng đã được xóa, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, tại tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đề nghị xử phạt bị cáo Huỳnh Văn D, Bùi Phước H, Nguyễn Hoàng D1 từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Về vật chứng vụ án: Đề nghị căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 trả lại cho bị cáo Huỳnh Văn D 01 xe ô tô nhãn hiệu MAZDA, loại CX-520G màu trắng, biển số 94A-038.73 đã qua sử dụng và chìa khóa xe; một điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J2, Prime, màu vàng kiểu máy SM-G532G/DS đã qua sử dụng và sim số 0917118896; trả lại cho bị cáo Bùi Phước H một áo khoác nam màu nâu xám bên trong viền cổ áo có chữ XinJieDa, đã qua sử dụng.

Về án phí: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định theo quy định của pháp luật.

- Người bào chữa cho bị cáo Huỳnh Văn D, luật sư Kim Chan Đa R thống nhất với các trạng về tội danh, khung hình phạt cũng như quan điểm luận tội của vị Kiểm sát viên, tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về nguyên nhân phạm tội của bị cáo D xuất phát từ việc bị hại nợ tiền nhưng cố tình trốn tránh không trả nên dẫn đến làm điều nóng vội nhưng mục đích là đòi nợ không gây tổn hại đến bị hại;

bị cáo D là lao động chính trong gia đình, từ đó đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo D dưới khung hình phạt cũng đủ răn đe, giáo dục bị cáo.

- Người bào chữa cho bị cáo Huỳnh Văn D, luật sư Trần Phú Nh thông nhất quan điểm bào chữa của vị luật sư Kim Chan Đa R, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thêm tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo D là bị cáo trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế đề nghị xử phạt bị cáo D dưới khung hình phạt cũng đủ răn đe giáo dục bị cáo D.

- Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố, tại tòa các bị cáo thể hiện sự ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

- Bị hại bà Lâm Thị Hoa N thông nhất với cáo trạng truy tố các bị cáo; bà N không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại và bà N đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo vì các bị cáo đã biết hối cải.

- Người có quyền và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu V thông nhất với cáo trạng và không có ý kiến.

- Người có quyền và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Đ trình bày: bà và bị cáo D kết hôn vào năm 2017, chiếc xe ô tô nhãn hiệu MAZDA, loại CX-520G màu trắng, biển số 94A-038.73 được vợ chồng bà mua vào năm 2019 do bị cáo D đứng tên, đây là tài sản chung của bị cáo D và bà, khi bị cáo D dùng chiếc xe ô tô nêu trên để phạm tội bà không hay biết, đây là phương tiện đi lại và mưu sinh của gia đình bà và hiện nay đang thế chấp tại Ngân hàng A - chi nhánh Bạc Liêu. Do vậy, bà đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giao lại chiếc xe nêu trên cho vợ chồng bà.

- Đại diện Ngân hàng A trình bày: vào ngày 30/01/2019 bị cáo Huỳnh Văn D và vợ là bà Nguyễn Thị Đ đã ký hợp đồng số 37/VCB.BLI.19 với Ngân hàng A - chi nhánh Bạc Liêu để thế chấp phương tiện giao thông đường bộ là chiếc xe ô tô nhãn hiệu MAZDA, loại CX-520G màu trắng, biển số 94A-038.73 để đảm bảo nợ vay số tiền 625.000.000 đồng, hiện nay hợp đồng vẫn đang thực hiện, tính đến ngày 31/8/2020 dư nợ gốc là 468.749.995 đồng và lãi phát sinh. Ngân hàng đề nghị Hội đồng xét xử giao chiếc xe ô tô nêu trên cho vợ chồng bị cáo D nhằm đảm bảo thực hiện nghĩa vụ, trường hợp Tòa án tuyên tịch thu sung quỹ thì ưu tiên thanh toán cho Ngân hàng tất cả khoản nợ và nghĩa vụ có liên quan theo Hợp đồng số 37/VCB.BLI.19.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về phần tố tụng:

Tại phiên tòa, vắng mặt người làm chứng bà Lâm Thị Ngọc L, xét thấy, việc vắng mặt bà L không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, nên căn cứ quy định tại Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Đ là vợ bị cáo D có đơn yêu cầu nhận lại chiếc ô tô nhãn hiệu MAZDA, loại CX-520G màu trắng, biển số 94A-038.73 là vật

chứng của vụ án, bà cho rằng chiếc xe ô tô nêu trên là tài sản chung của bà và bị cáo D. Xét thấy, việc giải quyết vụ án có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của bà Đ, bà có mặt tại phiên tòa và đồng ý tham gia tố tụng nên Hội đồng xét xử bổ sung đưa bà Nguyễn Thị Đ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền và nghĩa vụ liên quan trong vụ án theo quy định tại Điều 65 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố Sóc Trăng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Tại phiên tòa bị cáo Huỳnh Văn D, Bùi Phước H và Nguyễn Hoàng D1 khai nhận hành vi phạm tội của các bị cáo như đã nêu tại cáo trạng và các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Lời khai nhận của các bị cáo Huỳnh Văn D, Bùi Phước H, Nguyễn Hoàng D1 tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu khác mà cơ quan điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ căn cứ xác định: vào khoảng hơn 12 giờ trưa ngày 27/11/2019 tại Quán C đường MĐC bị cáo H đã dùng tay phải khống chế bị hại N để bắt bị hại N lên xe ô tô của bị cáo D, bị hại N phản kháng, kêu cứu thì D1, T, H đến hỗ trợ dùng tay xô đẩy, sau đó, bị cáo D mở cửa xe ô tô của D để H, D1 và T, H đẩy bị hại lên xe và bị cáo D điều khiển chạy đến quán cà phê trong khuôn viên HNN, tại quán cà phê, bị cáo D buộc bị hại N ghi giấy nhận nợ mới và cam kết thời gian trả nợ, sau khi bị hại viết xong các bị cáo cho bị hại về.

[4] Xét thấy, các bị cáo Huỳnh Văn D, Bùi Phước H, Nguyễn Hoàng D1 là công dân Việt Nam có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, đã cố ý bắt bị hại Lâm Thị Hoa N một cách trái pháp luật, tại phiên tòa các bị cáo cũng thừa nhận cáo trạng truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan cho các bị cáo, hành vi nêu trên của bị cáo đã phạm vào tội Bắt người trái pháp luật, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 157 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Cáo trạng số 66/CT-VKS.TPST ngày 29/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan cho các bị cáo nên được Tòa án chấp nhận.

[5] Xét thấy, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền nhân thân của bị hại một cách trái pháp luật, làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự, an ninh tại địa phương nên cần xử lý trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, cần xử phạt hình phạt tù để cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm giáo dục cải tạo và răn đe, trấn áp tội phạm, phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[6] Tuy nhiên, trước khi quyết định hình phạt cần xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo thì thấy:

[6.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: trong vụ án này các bị cáo

là đồng phạm, bị cáo D là người khởi xướng, chủ mưu và cũng là người thực hành; bị cáo D, H là người thực hành nhưng giữa các bị cáo không có sự câu kết chặt chẽ, phân công vai trò cụ thể nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn không mang tính tổ chức; các bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào khác;

[6.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Đối với bị Huỳnh Văn D có ông ngoại là ông Hà Văn H là liệt sĩ được Nhà Nước tặng bằng tổ quốc ghi công; tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; về nhân thân bị cáo D là người có nhân thân tốt, trước khi phạm tội không tiền án, tiền sự nên lần phạm tội này là lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi sự việc xảy ra đã thành khẩn khai báo là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do bị cáo D có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên xem xét xử phạt mức khởi điểm khung hình phạt cũng đủ răn đe, giáo dục bị cáo và cũng thể được tính khoan hồng trong chính sách hình sự của Nhà nước ta.

[6.3] Đối với bị cáo H, D1 sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo hành vi của mình, bị hại tại tòa xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, về nhân thân các bị cáo từng có nhiều tiền án cụ thể: Bị cáo H chấp hành 02 bản án, Bản án số 102/2005/HSST ngày 05/7/2005 của TAND quận BT, thành phố Hồ Chí Minh và Bản án số 296/2010/HSST ngày 23/12/2010 của TAND quận GV, thành phố Hồ Chí Minh; bị cáo D1 chấp hành 02 bản án, Bản án số 53/HS-TA ngày 28/9/1994 và Bản án số 83/2005/HSST ngày 20/9/2005 của TAND thị xã ST, các bị cáo đã chấp hành xong hình phạt và các phần khác của bản án nên đã được xóa án tích. Tuy nhiên, mặc dù các tiền án nêu trên đã được xóa nhưng cũng thể hiện các bị cáo H, D1 là người có nhân thân xấu, từng bị xét xử về nhiều hành vi phạm tội nhưng sau khi ra tù vẫn không biết sửa sai, kiếm việc làm lương thiện làm lại người công dân tốt, giúp ích cho gia đình và xã hội nhưng lại tiếp tục vấp thân vào con đường phạm tội. Do đó, đối với các bị cáo D1, H cũng cần xem xét mức án nghiêm không nhẹ hơn bị cáo D1 để răn đe, giáo dục các bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng và các tài sản khác có liên quan:

Xét thấy, chiếc xe ô tô nhãn hiệu MAZDA, loại CX-520G màu trắng, biển số 94A-038.73 đã qua sử dụng và chìa khóa xe là tài sản của bị cáo Huỳnh Văn D, bị cáo D đã sử dụng chở bị hại H N từ quán C đường MĐC đến quán cà phê cũng là phương tiện phạm tội, tuy nhiên, chiếc xe ô tô nêu trên là tài sản chung của vợ chồng bị cáo D dùng làm phương tiện đi lại và mưu sinh cho gia đình. Vào ngày 30/01/2019 bị cáo Huỳnh Văn D và vợ là bà Nguyễn Thị Đ đã thế chấp chiếc xe nêu trên tại Ngân hàng A - chi nhánh Bạc Liêu để đảm bảo nợ vay, do vậy, Tòa án giao trả lại chiếc xe cho bị cáo D là phù hợp với pháp luật.

Riêng một điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J2, Prime, màu vàng kiểu máy SM-G532G/DS đã qua sử dụng và sim số 0917118896 không phải là công cụ, phương tiện phạm tội là tài sản hợp pháp của bị cáo D nên giao trả lại cho bị cáo Huỳnh Văn D.

Đối với một áo khoác nam màu nâu xám bên trong viền cổ áo có chữ XinJieDa, đã qua sử dụng cũng không phải là công cụ, phương tiện phạm tội là tài sản hợp pháp của bị cáo H nên giao trả lại cho bị cáo Bùi Phước H.

Các vật chứng nêu trên đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/7/2020.

[8] Về án phí: Các bị cáo Huỳnh Văn D, Bùi Phước H, Nguyễn Hoàng D1 là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Đối với bà Nguyễn Thị Thu V có nhờ H tìm H N để giải quyết tiền nợ, nhưng giữa V và H không có thỏa thuận hay hứa hẹn lợi ích gì để H và D tìm bắt H N nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý hình sự đối với bà V là có căn cứ.

[10] Đối với Hên Ngọc Th chỉ là quen biết với Bùi Phước H nên nói cho H biết chỗ hẹn gặp H N, Th không biết được mục đích của H cùng đồng phạm là tìm gặp để bắt H N, Th không được hưởng lợi ích từ việc H bắt H N nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý hình sự đối với Th là có căn cứ.

[11] Đối với các đối tượng H1, T hiện nay chưa rõ nhân thân lai lịch nên chưa xử lý, do vậy đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Sóc Trăng tiếp tục điều tra làm rõ.

[12] Đối với hành vi chiếm đoạt số tiền 30.000.000 đồng của bị hại Lâm Thị Hoa N cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Sóc Trăng đã khởi tố vụ án cướp tài sản và ra quyết định tách vụ án để giải quyết sau nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này và đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Sóc Trăng tiếp tục điều tra làm rõ và xử lý theo quy định pháp luật.

[13] Xét về lời đề nghị của các người bào chữa cho bị cáo Huỳnh Văn D về đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo D như: bị cáo là lao động chính trong gia đình, trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế không được Tòa án chấp nhận, bởi lý do bị cáo D có vợ còn trong độ tuổi lao động; trình độ học vấn bị cáo D là 12/12, nghề nghiệp kinh doanh nên không phải là học vấn thấp, từ đó đề nghị xử phạt bị cáo D dưới khung hình phạt cũng không được Tòa án chấp nhận.

[14] Đối với lời đề nghị của người có quyền và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Đ, đại diện Ngân hàng A là có căn cứ được Tòa án chấp nhận.

[15] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng là có căn cứ phù hợp với pháp luật và nhận định của Tòa án nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 157; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 47, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với các bị cáo Huỳnh Văn D,



Bùi Phước H, Nguyễn Hoàng D1. Riêng bị cáo Huỳnh Văn D áp dụng thêm điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

1. Tuyên bố: các bị cáo Huỳnh Văn D, Bùi Phước H, Nguyễn Hoàng D1 phạm tội Bất người trái pháp luật.

2. Xử phạt:

Bị cáo Huỳnh Văn D 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn thi hành án hình phạt tù tính từ ngày 15/5/2020.

Bị cáo Bùi Phước H 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn thi hành án phạt tù tính từ ngày 15/5/2020.

Bị cáo Nguyễn Hoàng D1 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn thi hành án phạt tù tính từ ngày 17/6/2020.

3. Về xử lý vật chứng:

Trả cho bị cáo Huỳnh Văn D một chiếc xe ô tô nhãn hiệu MAZDA, loại CX-520G màu trắng, biển số 94A-038.73 đã qua sử dụng và chìa khóa xe; một điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J2, Prime, màu vàng kiểu máy SM-G532G/DS đã qua sử dụng và sim số 0917118896.

Trả lại cho bị cáo Bùi Phước H một áo khoác nam màu nâu xám bên trong viền cổ áo có chữ XinJieDa, đã qua sử dụng.

*(Các vật chứng nêu trên đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/7/2020 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Sóc Trăng và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng).*

4. Về án phí: Buộc các bị cáo Huỳnh Văn D, Bùi Phước H, Nguyễn Hoàng D1 mỗi bị cáo phải nộp là 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Báo cho các bị cáo, bị hại, người có quyền và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thành phố Sóc Trăng;
- CQCSĐT- Công an thành phố Sóc Trăng;
- CQTHAHS – Công an thành phố Sóc Trăng;
- Chi cục THA Dân sự thành phố Sóc Trăng;
- Bị cáo và những người TGT;
- Lưu hồ sơ.
- Lưu Tòa án thành phố Sóc Trăng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Nguyễn Trúc Phương**